

Số: 21 /NQ-HĐND

Tân Châu, ngày 20 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
Về phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về phân bổ ngân sách địa phương năm 2018;

Xét Tờ trình số 280/TTr-UBND ngày 04/12/2017 của UBND huyện Tân Châu về việc phê chuẩn phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thống nhất phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2018, với một số nội dung cơ bản sau:

I. Tổng thu ngân sách địa phương	359.450 triệu đồng.
1. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	116.840 triệu đồng.
- Thu BSCĐ	108.086 triệu đồng.

- Thu BSMT	8.754 triệu đồng.
2. Thu cân đối ngân sách	216.300 triệu đồng.
3. Các khoản thu tỉnh quản lý điều tiết cho huyện	26.310 triệu đồng.
II. Tổng chi NSNN	359.450 triệu đồng.
1. Các khoản chi cân đối ngân sách	343.196 triệu đồng.
1.1 Chi đầu tư phát triển	39.140 triệu đồng.
1.2 Chi thường xuyên	285.966 triệu đồng.
1.3 Chi dự phòng ngân sách	6.790 triệu đồng.
1.4 Dự toán chi chưa phân bổ	10.300 triệu đồng.
1.5 Chi CCTL:	1.000 triệu đồng.
2. Chi nộp NS cấp trên	7.500 triệu đồng.
3. Chi từ nguồn BSMT:	8.754 triệu đồng.

(Chi tiết Phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2018 kèm theo

Tờ trình số 280/TTr-UBND ngày 04/12/2017 của UBND huyện Tân Châu).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu Khóa VI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: S

- TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- ĐB. HĐND tỉnh đơn vị TC;
- Sở Tài chính;
- TT.Huyện ủy;
- UBND huyện;
- ĐB.HĐND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- LĐVP & CVVP;
- TT.HĐND các xã, thị trấn;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VP.HĐND-UBND huyện.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Tiên



TỜ TRÌNH

Về việc phê chuẩn phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2018

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 18/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước và mức bổ sung ngân sách tỉnh cho các huyện – thành phố năm 2018.

Nay UBND huyện Tân Châu Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn phương án phân bổ NSDP năm 2018, cụ thể như sau:

I. Về thu ngân sách

Tổng thu NSNN trên địa bàn 359.450 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Các khoản thu tỉnh quản lý thu, điều tiết cho huyện 26.310 triệu đồng
2. Thu cân đối 216.300 triệu đồng
3. Thu BS từ NS cấp trên 116.840 triệu đồng

II. Về chi ngân sách

Tổng chi NSNN trên địa bàn 359.450 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Các khoản chi cân đối Ngân sách: 343.196 triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển: 39.140 triệu đồng

(Trong đó: Phân bổ chi đầu tư phát triển cho UBND Thị trấn: 1.000 triệu đồng; Chi đầu tư tạo lập Quỹ Phát triển đất: 2.420 triệu đồng; Chi từ nguồn thu tiền SDD: 8.470 triệu đồng).

- Chi thường xuyên: 285.966 triệu đồng
- Dự phòng NS: 6.790 triệu đồng
- Chi CCTL: 1.000 triệu đồng
- Dự toán chi chưa phân bổ 10.300 triệu đồng

2. Chi nộp NS cấp trên (100% thu phạt ATGT)

7.500 triệu đồng

3. Chi từ nguồn BSMT

8.754 triệu đồng

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- BTT.UBMTTQVN huyện;
- 02 Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- TV.UBND huyện;
- UB.MTTQVN huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thành

Tân Châu, ngày 04 tháng 12 năm 2017

PHƯƠNG ÁN

PHÂN BỐ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

(Kèm theo Tờ trình số: 280../TTr-UBND ngày 04/12/2017 của UBND huyện)

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về giao dự toán thu, chi NSNN năm 2018 cho địa phương, cụ thể như sau:

Tổng thu cân đối ngân sách: 216.300 triệu đồng.

(Tăng 5% so dự toán Tỉnh giao: 206.000 triệu đồng).

Tổng chi ngân sách nhà nước: 359.450 triệu đồng.

- Chi cân đối NSDP: 343.196 triệu đồng (kể cả số thu bổ sung cân đối 108.086 triệu đồng).

- Chi nộp NS cấp trên (100% thu phạt ATGT) 7.500 triệu đồng.

- Chi từ nguồn BSMT 8.754 triệu đồng.

Căn cứ quy định của Luật NSNN năm 2015; dự kiến phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 của UBND tỉnh Tây Ninh giao cho huyện Tân Châu; Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2018; Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; Tình hình ước nhiệm vụ thu, chi NSNN năm 2017 và các chế độ chính sách thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định.

UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phương án phân bổ dự toán thu NSNN, dự toán chi NSDP năm 2018, cụ thể như sau:

- Bố trí chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo; khoa học công nghệ; sự nghiệp môi trường bằng số UBND tỉnh giao (sau khi loại trừ 10% tiết kiệm thực hiện CCTL).

- Dành 7.500 triệu đồng từ nguồn thu phạt ATGT (100%) trích nộp ngân sách cấp trên theo tỷ lệ quy định.

- Dự toán chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất (12.100 triệu đồng) bố trí 70% để chi đầu tư XD CB, trích 20% lập Quỹ phát triển đất, 10% chi thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Dự toán chi thường xuyên năm 2018 đảm bảo thực hiện mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/hệ số theo quy định tại Nghị định số 47/2017/NĐ-CP của Chính phủ từ nguồn thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang và nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên thực hiện CCTL.

A. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2018

I. Nguyên tắc phân bổ, giao dự toán thu NSNN năm 2018

1. Phân bổ, giao dự toán thu NSNN trên địa bàn đối với các xã-thị trấn theo đúng quy định của Luật thuế, chế độ thu; thực hiện những ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật để tích tụ vốn, khuyến khích đầu tư phát triển SXKD.

2. Phân bổ, giao DT thu trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ thu NS năm 2017; Mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch phát triển KTXH, chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 trên địa bàn từng xã-thị trấn.

3. Dự toán thu cân đối năm 2018 tăng 5% so dự toán UBND Tỉnh giao.

II. Phương án phân bổ, giao dự toán thu NSNN năm 2018

Tổng số thu NSNN trên địa bàn năm 2018 là 359.450 triệu đồng, phân cấp nhiệm vụ thu ngân sách cụ thể như sau:

1. Ngân sách huyện thu: 310.625 triệu đồng, tăng 6,84% so DT năm 2017 (290.745 triệu đồng), bao gồm:

- Các khoản thu Tỉnh quản lý điều tiết cho huyện: 26.310 triệu đồng, giảm 33,16% so DT năm 2017, tăng 0,68% so UTH năm 2017.

- Thu cân đối ngân sách: 202.610 triệu đồng, tăng 14,72% so DT 2017.

- Thu bổ sung từ NS cấp trên: 81.705 triệu đồng, tăng 9,28% so DT năm 2017.

2. Ngân sách xã-thị trấn: 48.825 triệu đồng, tăng 4,53% so DT 2017 (46.710 triệu đồng).

- Thu cân đối ngân sách 13.690 triệu đồng, tăng 6,03% so DT 2017 (12.912 triệu đồng).

- Thu bổ sung từ NS cấp trên: 35.135 triệu đồng, tăng 3,96% so DT 2017 (33.798 triệu đồng).

(Kèm phụ biểu dự toán thu ngân sách năm 2018)

B. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, NGÂN SÁCH XÃ-THỊ TRẤN NĂM 2018.

I. Nguyên tắc, căn cứ phân bổ dự toán chi

Năm 2018 là năm thứ hai của thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020 có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của cả giai đoạn 2016-2020. Căn cứ nguồn thu và nhiệm vụ chi đã được phân cấp ổn định; dự toán chi ngân sách địa phương năm 2018 được xây dựng trên cơ sở: nguồn thu được xác định căn cứ tỷ lệ phân trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách, nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng 100% theo quy định và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới đảm bảo nguyên tắc dự toán chi cân đối năm 2018 của các xã, thị trấn không thấp hơn so với dự toán năm 2017, bảo đảm kinh phí thực hiện các chế độ chính sách, định mức chi hiện hành; xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2018 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ dự toán chi Ngân sách huyện cho Ngân sách các xã, thị trấn: Căn cứ phân cấp thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng an

ninh theo quy định của pháp luật và phân cấp nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách.

2. Phân bổ, giao dự toán chi Ngân sách huyện thực hiện yêu cầu, bố trí tập trung cho những nhiệm vụ quan trọng của từng cơ quan, ban ngành, khối đoàn thể huyện và các xã, thị trấn; quán triệt yêu cầu phân bổ, quản lý sử dụng kinh phí tiết kiệm, chống lãng phí, tránh dàn trải.

3. Phân bổ, giao dự toán chi Ngân sách huyện cho từng cơ quan, ban ngành khối huyện và các xã, thị trấn căn cứ nhiệm vụ của từng đơn vị được giao, và chế độ chính sách, định mức chi Ngân sách Nhà nước theo đúng quy định. Hạn chế việc bổ sung kinh phí phát sinh trong năm.

4. Dự toán chi năm 2018 đảm bảo mức lương cơ sở là 1.300.000 đồng/hệ số, các cơ quan, đơn vị huyện, UBND các xã-thị trấn tiếp tục thực hiện các biện pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định (nguồn CCTL chuyển nguồn năm trước sang, tiết kiệm 10% chi thường xuyên...). Gồm các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) thực hiện theo Luật BHYT, lộ trình điều chỉnh của Luật BHXH và các văn bản hướng dẫn; các loại phụ cấp theo quy định; KP thực hiện các chế độ chính sách tại Quyết định số 07, 08, 09/2012/QĐ-UBND, Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh (đã bao gồm hỗ trợ tiền ăn cho LLDQ thường trực); chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP; KP hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách; Kinh phí trích thu phạt ATGT theo quy định tại Quyết định số 1709/QĐ-UBND của UBND tỉnh; Hỗ trợ kinh phí cho lực lượng Công an xã theo quy định tại Thông tư số 153/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính; KP hỗ trợ xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; KP thực hiện nhiệm vụ đặc thù biên giới; KP hoạt động Ban Thanh tra nhân dân...

5. Cân đối theo nguồn thu ngân sách, các nhiệm vụ chi ngân sách năm 2018 đảm bảo không thấp hơn dự toán giao năm 2017. Dự toán quỹ lương đảm bảo 100% nhu cầu thực hiện. Kinh phí hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị huyện được giao đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm trên cơ sở định mức Tỉnh phân bổ và cân đối nguồn thu ngân sách huyện.

II. Định mức phân bổ ngân sách cho từng lĩnh vực cấp huyện:

1. Chi QLHCNN, Đảng, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội và các Hội đặc thù:

a). Cơ quan QLNN, MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội và Hội đặc thù:

- Đảm bảo quỹ tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp và đóng góp theo quy định (phần chênh lệch nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP được sử dụng một phần từ nguồn kinh phí tiết kiệm 10% hoạt động để thực hiện CCTL). KP hoạt động cho Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: mức phân bổ theo hệ số lương 2,34/HĐLĐ (số lượng HĐLĐ theo quy định của UBND tỉnh).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: 30 triệu đồng/biên chế/năm. Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản cố định có giá trị dưới 05 triệu đồng/đơn vị tài sản, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác

phí, hội nghị, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi quản lý ngành... và các nhiệm vụ đặc thù, chuyên môn của đơn vị.

- Bố trí kinh phí đặc thù biên giới của UBND huyện là 420 triệu đồng/năm, bằng định mức Tỉnh giao, bằng DT năm 2017.

Riêng KP hoạt động của các Hội đặc thù được phân bổ như sau:

+ Đối với các Hội đặc thù (Hội Chữ thập đỏ, Hội Đông y): được bố trí theo định mức 28 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Đối với các Hội đặc thù còn lại (Hội Người tù kháng chiến, Ban liên lạc hưu trí, Hội khuyến học, Hội Luật gia...): KP hoạt động chiếm 10% quỹ lương, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức 5 triệu đồng/hội/năm.

b) Cơ quan Đảng:

Định mức phân bổ theo tiêu chí như sau:

- Đảm bảo quỹ tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp và đóng góp theo quy định (*phần chênh lệch nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP được sử dụng một phần từ nguồn kinh phí tiết kiệm 10% hoạt động để thực hiện CCTL*). KP hoạt động cho Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: mức phân bổ theo hệ số lương 2,34/HĐLĐ (số lượng HĐLĐ theo quy định của UBND tỉnh).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: 32 triệu đồng/biên chế/năm. Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản cố định có giá trị dưới 05 triệu đồng/đơn vị tài sản.

- Ngoài ra, cơ quan Đảng còn được phân bổ thêm kinh phí (theo định mức Tỉnh giao, bằng DT năm 2017), như sau:

+ Kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định: 180 triệu đồng/năm.

+ Kinh phí nghiệp vụ đặc thù: 600 triệu đồng/năm.

+ Dự phòng: 120 triệu đồng/năm.

2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo

a) Sự nghiệp giáo dục:

- Định mức phân bổ đảm bảo cơ cấu tỷ lệ lương và các khoản có tính chất lương 82% và chi hoạt động thường xuyên 18%. Bằng dự toán tỉnh giao và theo khả năng ngân sách, điều kiện thực tế của địa phương. (*Phần chênh lệch nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP được sử dụng một phần từ nguồn kinh phí tiết kiệm 10% hoạt động để thực hiện CCTL*)

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo chế độ quy định (bổ sung trong năm từ nguồn kinh phí Tỉnh bổ sung mục tiêu cho huyện), gồm:

+ Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3-5 tuổi.

+ Kinh phí hỗ trợ về giáo dục, đào tạo theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND

+ Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

b) Sự nghiệp đào tạo (Trung tâm BDCT):

Định mức phân bổ theo tiêu chí như sau:

- Đảm bảo quỹ tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp và đóng góp theo quy định (*phần chênh lệch nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP được sử dụng một phần từ nguồn kinh phí tiết kiệm 10% hoạt động để thực hiện CCTL*).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: 30 triệu đồng/biên chế/năm. Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản cố định có giá trị dưới 05 triệu đồng/đơn vị tài sản.

- Ngoài ra, còn được phân bổ thêm kinh phí để thực hiện nhiệm vụ mở các lớp học theo nhiệm vụ được giao hàng năm (bằng mức tỉnh giao).

- Hợp đồng lao động theo Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND: Đảm bảo quỹ tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp và đóng góp theo quy định.

c. Kinh phí hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên: Phân bổ 1.710 triệu đồng (*từ nguồn kinh phí tỉnh bổ sung mục tiêu cho huyện*).

3. Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin (TT.VHTT huyện, Thư viện)

Đảm bảo quỹ tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp và đóng góp theo quy định, bằng dự toán năm 2017 (*phần chênh lệch nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP được sử dụng một phần từ nguồn kinh phí tiết kiệm 10% hoạt động để thực hiện CCTL*).

Hỗ trợ KP hoạt động của Ban chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở huyện theo Thông tư số 144/2014/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 30/9/2014 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, định mức 30 triệu đồng/năm (giao dự toán cho Phòng VHTT huyện).

4. Chi sự nghiệp phát thanh-truyền thanh; Sự nghiệp TDTT

Đảm bảo quỹ tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp và đóng góp theo quy định. KP hoạt động bằng dự toán năm 2017 (*phần chênh lệch nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP được sử dụng một phần từ nguồn kinh phí tiết kiệm 10% hoạt động để thực hiện CCTL*).

5. Chi sự nghiệp y tế

Phân bổ kinh phí mua thẻ Bảo hiểm y tế để thực hiện chế độ bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2015/NĐ-CP và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Người khuyết tật theo chế độ quy định hiện hành. Kinh phí phân bổ DT giao cho Phòng LĐTĐ&XH.

6. Chi sự nghiệp xã hội

Phân bổ kinh phí để thực hiện cứu tế đột xuất, đám tang, thăm bệnh, thăm hỏi động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết; công tác quản lý nghĩa trang theo khả năng cân đối ngân sách và bằng DT năm 2017.

Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Để thực hiện chế độ bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2015/NĐ-CP và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Người khuyết

tật theo chế độ quy định hiện hành (*không tính kinh phí mua thẻ BHYT đã bố trí tại mục 6 nêu trên*).

7. Chi Quốc phòng - An ninh: Phân bổ theo nhiệm vụ hàng năm theo quy định tại các văn bản của cơ quan Trung ương (Bộ Tài chính, Bộ quốc phòng, Bộ Công an,..) và của địa phương ban hành về thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đồng thời cân đối theo khả năng cân đối nguồn. Cụ thể:

+ Công an: 600 triệu đồng/năm, đã bao gồm kinh phí hỗ trợ công tác xử phạt vi phạm hành chính.

+ Ban chỉ huy quân sự huyện: 2.500 triệu đồng/năm, đã bao gồm kinh phí trợ cấp ngày công lao động cho lực lượng dân quân thường trực luân phiên tại huyện theo Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND.

Ngoài định mức phân bổ trên, huyện bố trí thêm mức kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù ANQP (huyện biên giới): 200 triệu đồng (chi từ nguồn Tỉnh BSMT).

8. Chi sự nghiệp kinh tế: Phân bổ đảm bảo mức bằng 4% chi thường xuyên các lĩnh vực chi từ mục 3.1 đến mục 3.7 và trên cơ sở cân đối nguồn thu có được. Ngoài ra, phân bổ thêm 5.000 triệu đồng/đô thị loại V/năm để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng về giao thông đô thị.

9. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Phân bổ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đo lường chất lượng, an toàn bức xạ, tuyên truyền, chi ứng dụng khoa học và công nghệ, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ huyện làm công tác chuyên môn về khoa học và công nghệ. Mức phân bổ bằng dự toán UBND Tỉnh giao cho ngân sách huyện.

10. Chi sự nghiệp Môi trường: Phân bổ trên tổng mức chi UBND Tỉnh giao cho ngân sách huyện và cân đối nguồn thu Tỉnh giao cho huyện.

11. Chi khác ngân sách: Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% trên tổng chi TX đã tính được theo định mức phân bổ trên (*từ mục 1 đến mục 10*).

12. Dự phòng ngân sách: Căn cứ vào mức phân bổ ngân sách Tỉnh, phân bổ theo tỷ lệ thống nhất đảm bảo theo quy định Luật Ngân sách Nhà nước 2%/ tổng chi thường xuyên.

13. Dự toán chi chưa phân bổ (tăng thu 5% so chỉ tiêu pháp lệnh): chỉ phân bổ DT chi cho các nhiệm vụ (50% CCTL, 30% chi XD CB, 20% chi thường xuyên) sau khi xác định được số tăng thu thực tế vào cuối năm 2018.

III. Định mức phân bổ ngân sách cho từng lĩnh vực cấp xã:

1. Chi QLHC:

Đảm bảo quỹ lương theo ngạch bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp và đóng góp theo quy định của: cán bộ chuyên trách, công chức xã và những người hoạt động không chuyên trách xã, ấp, khu phố; sinh hoạt phí đại biểu HĐND xã; phụ cấp cấp uỷ (chưa tính KP tổ chức ĐH chi bộ trực thuộc Đảng bộ, hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ); chế độ thù lao cho cộng tác viên, Hội đặc thù, kinh phí hoạt động của các Chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội (*Phần chênh lệch nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP được sử dụng một phần từ nguồn kinh phí tiết kiệm 10% hoạt động để thực hiện CCTL và nguồn CCTL*

chuyển nguồn năm trước sang). Định mức trên đã bao gồm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi: Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã theo Thông tư Liên tịch số 40/2006/TTLT/BTC-BTTUBTWMTTW-TLĐLĐVN ngày 12/5/2006 của Liên tịch Bộ Tài chính - Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; hoạt động của Chi đảng bộ cơ sở theo Quyết định số 99/QĐ-TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương; chi hoạt động của HĐND xã và chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định có giá trị dưới 05 triệu đồng/đơn vị tài sản. Ngoài ra, cấp xã được bố trí thêm:

- + Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc của UBND xã với mức 60 triệu đồng/xã/năm.

- + Chi hoạt động quản lý hành chính cấp xã: Định mức phân bổ chi cho hoạt động được phân bổ với mức: 600 triệu đồng/xã/năm.

2. Chi sự nghiệp VH-TT, truyền thanh, TDTT:

Phân bổ bằng DT năm 2017, bao gồm kinh phí hoạt động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, trong đó có cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” theo Thông tư Liên tịch số 144/2014/TTLT/BTC-BVHTTDL, ngày 30/9/2014 của Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Kinh phí hoạt động của Trung tâm VH-TT-HTCĐ được phân bổ theo mức như sau:

- + Trung tâm đủ điều kiện hoạt động về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực: 50 triệu đồng/trung tâm/năm.

- + Trung tâm chưa đủ điều kiện hoạt động: 35 triệu đồng/trung tâm/năm.

Tiêu chí này căn cứ vào xếp loại của Sở Văn hoá – TT – TT & DL tỉnh công nhận.

3. Chi SN xã hội:

Phân bổ bằng DT năm 2017 để thực hiện cứu tế đột xuất, đám tang, thăm bệnh, thăm hỏi động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết; chi chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi

- + Kinh phí cho công tác quản lý chi trả chế độ, chính sách trợ giúp xã hội theo khoản 1, Điều 7, Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014: 1.000.000 đồng/xã/năm.

- + Kinh phí chi trả phụ cấp cho Đội công tác xã hội tình nguyện.

- + Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo TỰ, hộ cận nghèo và hộ chính sách.

4. Chi Quốc phòng - An ninh: phân bổ bằng DT năm 2017, trong đó:

a. SN An ninh: Kinh phí giao đã bao gồm các chế độ chính sách theo quy định tại các Quyết định 07, 08, 09, 52 của UBND tỉnh. Công an xã lập dự toán kinh phí thực hiện công tác xử phạt VPHC theo Thông tư số 153/2013/TT-BTC theo mức thực hiện dự toán năm liền kề (không vượt quá số thu thực hiện trong năm) và tiền ăn cho lực lượng trực là 10.000 đồng/người/ngày. Riêng kinh phí hoạt động là 20 triệu đồng/xã/năm.

b. SN Quốc phòng: bao gồm các chế độ chính sách theo quy định tại các Quyết định 32 của UBND tỉnh, kinh phí huấn luyện, tuyển quân. Thực hiện dự toán chi tiền ăn LLDQ đầu năm 2018 đáp ứng 50% nhu cầu thực hiện (tính trên tỷ lệ % nguồn tỉnh – huyện – xã), phần chênh lệch thiếu còn lại sau khi kết thúc năm ngân sách 2017 xác định số chuyển nguồn và kết dư ngân sách từng địa phương cân đối nguồn thực hiện. Riêng hoạt động quốc phòng 150 triệu đồng/xã/năm. Ngoài ra, các xã biên giới được phân bổ thêm kinh phí bảo vệ cột mốc, đặc thù biên giới: 60 triệu đồng/xã/năm (xã tiếp giáp nước bạn Campuchia).

5. Chi sự nghiệp kinh tế: phân bổ theo mức bằng 5% trên tổng mức chi thường xuyên đã được xác định (bằng mức Tỉnh giao).

6. Chi khác: phân bổ theo mức bằng 0,5% trên tổng mức chi thường xuyên (bằng mức Tỉnh giao).

7. Dự phòng NS: 2%/tổng chi thường xuyên.

IV. Phương án phân bổ dự toán chi Ngân sách huyện – xã năm 2018:
Căn cứ quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các nguyên tắc phân bổ nêu trên, tổng chi NSNN phân bổ là: 359.450 triệu đồng. Cụ thể như sau:

1. Phân bổ theo phân cấp ngân sách:

- Dự toán chi NS huyện: 281.783 triệu đồng, chiếm 78,39%/tổng chi.
- Dự toán chi NS xã, thị trấn: 77.667 triệu đồng, chiếm 21,61%/tổng chi.

2. Phân bổ theo nhiệm vụ chi ngân sách:

- 2.1. Các khoản chi cân đối Ngân sách: 343.196 triệu đồng.
- Chi đầu tư phát triển: 39.140 triệu đồng.

(Trong đó: Phân bổ chi đầu tư phát triển cho UBND Thị trấn: 1.000 triệu đồng; Chi đầu tư tạo lập Quỹ Phát triển đất: 2.420 triệu đồng; Chi từ nguồn thu tiền SDD: 8.470 triệu đồng).

- Chi thường xuyên: 285.966 triệu đồng.
 - Dự phòng NS: 6.790 triệu đồng.
 - Chi CCTL: 1.000 triệu đồng.
 - Dự toán chi chưa phân bổ: 10.300 triệu đồng.
- 2.2. Chi nộp NS cấp trên (100% thu phạt ATGT) 7.500 triệu đồng.
- 2.3 Chi từ nguồn BSMT 8.754 triệu đồng.

(Kèm phụ biểu dự toán chi ngân sách năm 2018).

Thực hiện phương án phân bổ dự toán chi thường xuyên là 285.966 triệu đồng, chi tiết theo từng lĩnh vực sau:

(1) Chi sự nghiệp kinh tế: 13.100 triệu đồng, tăng 15,76% so DT 2017 (tương ứng tăng 1.784 triệu đồng), chiếm 4,58% tổng chi thường xuyên, bao gồm:

- Chi sự nghiệp nông-lâm-thủy lợi: 150 triệu đồng, bằng DT 2017.
- Chi sự nghiệp giao thông: 3.000 triệu đồng, tăng 200% so DT năm 2017 (tương ứng tăng 2.000 triệu đồng). Nguyên nhân tăng là do bố trí DT thực hiện

duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn đã hư hỏng nặng và bố trí theo cân đối nguồn thu ngân sách.

- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính: 3.000 triệu đồng, tăng 50% so DT năm 2017 (*tương ứng tăng 1.000 triệu đồng*), nguyên nhân tăng là do bố trí DT theo nhu cầu thực tế phát sinh trong năm 2017.

- Chi giao thông đô thị: 6.000 triệu đồng, tăng 1.000 triệu đồng so DT năm 2017, nguyên nhân là do năm 2018 bố trí thêm nhiệm vụ chi này từ nguồn tỉnh BSMT (*hỗ trợ phát triển đô thị: 1.000 triệu đồng*).

- Chi sự nghiệp quy hoạch: 500 triệu đồng bằng DT năm 2017.

- Chi hỗ trợ công tác đảm bảo ATGT: 500 triệu đồng, thực hiện hỗ trợ công tác tuyên truyền ATGT, hoạt động BCĐ.ATGT huyện, hoạt động Đội TTGT theo quy định Quyết định số 1709/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Bằng DT chi năm 2017.

- Sự nghiệp kinh tế khác: 950 triệu đồng, giảm 56,15% so DT 2017 (*tương ứng giảm 1.216 triệu đồng*), đây là dự toán chi SN kinh tế của xã-thị trấn (5% tổng chi thường xuyên) để thực hiện chi các nhiệm vụ phát sinh trong năm của xã-thị trấn.

(2). Chi sự nghiệp môi trường: 4.000 triệu đồng, tăng 55,64% so DT 2017 (*tương ứng tăng 1.430 triệu đồng*), chiếm 1,4% tổng chi thường xuyên. Nguyên nhân tăng chi là do bố trí bằng dự toán Tỉnh giao và theo thực tế phát sinh năm 2017.

(3) Chi SN GDĐT: 154.615 triệu đồng, giảm 2,59% so dự toán năm 2017 (*tương ứng giảm 4.111 triệu đồng*), chiếm 54,00% tổng chi TX. Nguyên nhân mặc dù tăng nhu cầu so năm 2017 là do thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP, nhưng giảm KP do tạm ngưng thực hiện các chế độ, chính sách theo NĐ số 116/2010/NĐ-CP theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh.

(4) Chi SN VH TT giảm 12,58% so DT 2017 (*tương ứng giảm 391 triệu đồng*); Sự nghiệp PTTT tăng 2,17% so DT 2017 (*tương ứng tăng 24 triệu đồng*). Nguyên nhân là do: giảm mục chi KP hoạt động BCĐ phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng ĐSVH” và KP Khu dân cư xã, thị trấn sang mục chi từ nguồn BSMT.

(5) Chi sự nghiệp XH tăng 55,00% so DT 2017 (*tương ứng tăng 3.577 triệu đồng*), chiếm 3,52% tổng chi TX. Nhu cầu thực hiện là 13.000 triệu đồng, phần chênh lệch thiếu còn lại sẽ được bố trí trong năm 2018 từ kinh phí Tỉnh BSMT.

(6) Chi sự nghiệp y tế (hỗ trợ mua BHYT cho đối tượng BTXH): 1.385 triệu đồng, tăng 12,42% so DT năm 2017, phân bổ DT trên cơ sở đề nghị của đơn vị (Phòng LĐTBXH huyện). Phần chênh lệch thiếu còn lại sẽ được bố trí trong năm 2018 từ kinh phí Tỉnh BSMT.

(7) Chi quản lý hành chính tăng 9,01% so DT 2017 (*tương ứng tăng 5.767 triệu đồng*), chiếm 24,4% tổng chi TX: dự toán quỹ lương năm 2017 giao cho các đơn vị đảm bảo 100% nhu cầu thực hiện mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/hệ số (tuy nhiên nguồn KP đảm bảo thực hiện tăng mức lương cơ sở từ 1.150.00 đồng/hệ số lên 1.300.000 đồng/hệ số được đảm bảo một phần từ nguồn CCTL

chuyển nguồn năm trước sang và nguồn tiết kiệm 10% hoạt động chi thường xuyên tại đơn vị); Hoạt động thường xuyên các đơn vị huyện từ 30-32 triệu đồng/biên chế/năm (không bổ sung thêm kinh phí phát sinh trong năm, trừ các nhiệm vụ tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, hoạt động các BCĐ); Bố trí tăng thêm KP thực hiện các nhiệm vụ đặc thù 100 triệu đồng (trạng phục ĐB.HĐND huyện).

(8) Chi quốc phòng-an ninh tăng 3,25% so DT 2017 (tương ứng tăng 819 triệu đồng) đảm bảo nhu cầu thực hiện các chế độ chính sách theo quy định tại các Quyết định 07, 08, 09, 32, 52 của UBND tỉnh (Riêng tiền ăn cho LLDQ: 45.000 đồng/người/ngày chỉ bố trí được 50% nhu cầu thực hiện, phần chênh lệch còn lại sau khi kết thúc năm NS 2017 xác định số chuyển nguồn và kết dư NS sẽ bố trí KP thực hiện theo quy định). Đồng thời, bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo khả năng cân đối nguồn thu Tỉnh giao cho huyện.

(9) Chi khác ngân sách giảm 70,4% so DT 2017 (tương ứng giảm 6.432 triệu đồng). Nguyên nhân là do DT năm 2017 bao gồm KP thực hiện Nghị định số 116/2010/NĐ-CP của 4 xã biên giới trên địa huyện chưa giao cho các xã. DT năm 2018 bố trí theo quy định và khả năng cân đối nguồn. Đồng thời phát sinh nhiệm vụ mới (hỗ trợ 1.000 triệu đồng cho NHCS huyện theo chỉ đạo của Tỉnh).

(10) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ bố trí bằng DT tỉnh giao (130 triệu đồng).

3. Bố trí dự phòng ngân sách huyện, xã – thị trấn:

Dự phòng chi ngân sách huyện, xã năm 2018 là: 6.790 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 2% tổng chi thường xuyên, bố trí bằng DT tỉnh giao. Bao gồm: Dự phòng Ngân sách huyện 5.198 triệu đồng, dự phòng Ngân sách xã-thị trấn là 1.592 triệu đồng.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NSĐP NĂM 2018

1. Mặt làm được.

- Phương án phân bổ NSĐP năm 2018 đúng theo quy định của Luật NSNN về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của huyện và các xã-thị trấn.

- Dự toán thu NSNN phân bổ, giao cho các cấp ngân sách phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế, đúng chế độ chính sách thu ngân sách. Đồng thời yêu cầu các xã-thị trấn tăng cường chỉ đạo công tác quản lý thu, chống thất thu, phấn đấu tăng thu, tăng nguồn ngân sách bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế -xã hội trên địa bàn, đảm bảo thực hiện đầy đủ các ưu đãi về thuế, chế độ thu theo quy định.

- Dự toán chi NS của các cơ quan đơn vị huyện và các xã-thị trấn đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn được giao trên cơ sở chính sách, chế độ tài chính-ngân sách, định mức phân bổ ngân sách theo quy định. Đồng thời, quán triệt yêu cầu tiết kiệm, bố trí kinh phí tập trung thực hiện những nhiệm vụ quan trọng của từng đơn vị, đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ mới phát sinh.

- Đảm bảo bố trí, phân bổ ngân sách chi sự nghiệp GDĐT, sự nghiệp môi trường và sự nghiệp KH-CN không thấp hơn số Tỉnh giao.

- Đảm bảo cân đối ngân sách xã-thị trấn theo quy định Luật NSNN, tăng cường sự chủ động của NS xã-thị trấn trong việc bố trí, lựa chọn các mục tiêu, lĩnh vực ưu tiên đầu tư NS phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ NS tỉnh, huyện cho NS xã-thị trấn năm 2018, trong đó đảm bảo mức phân bổ dự toán chi hành chính theo định mức khoán, thực hiện mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/hệ số và có tăng thêm một số nhiệm vụ mới so DT 2017: Hỗ trợ KP thực hiện nhiệm vụ đặc thù biên giới; KP hoạt động Ban Thanh tra nhân dân; Hỗ trợ tiền điện theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND...

- Bố trí dự phòng ngân sách địa phương là 2% tổng chi thường xuyên, đảm bảo theo quy định của Luật NSNN (từ 2%-4% tổng số chi của ngân sách).

2. Mặt khó khăn, hạn chế.

- Tổng thu cân đối NS năm 2018 mặc dù tăng so DT năm 2017, nhưng rất ít (3.423 triệu đồng), ảnh hưởng đến khả năng cân đối các nhiệm vụ chi của huyện.

- Dự toán phân bổ giao các cơ quan, đơn vị huyện và UBND các xã-thị trấn ở một số lĩnh vực chưa đảm bảo theo yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Với những khó khăn trên, việc điều hành DT giao năm 2018 đòi hỏi trong tổ chức thực hiện phải chủ động, tích cực, linh hoạt ứng phó với diễn biến thực tế, đề xuất giải pháp kịp thời. Đồng thời, các đơn vị phải bố trí, sử dụng ngân sách tiết kiệm, tập trung và chú trọng đến hiệu quả, tích cực huy động các nguồn lực bổ sung thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội.

Tóm lại, Phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2018 mặc dù có những hạn chế nhất định nêu trên, nhưng dự toán thu năm 2018 về cơ bản đảm bảo cân đối chung, phù hợp hướng dẫn của Sở Tài chính. Căn cứ dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách năm 2018 được Hội đồng nhân dân huyện quyết nghị, Ủy ban nhân dân huyện giao nhiệm vụ thu, chi và yêu cầu các cơ quan, ban, ngành huyện và UBND các xã-thị trấn triển khai việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước kịp thời trước 31/12/2018 theo đúng chế độ quy định. Đồng thời, yêu cầu triển khai các biện pháp điều hành, tổ chức thực hiện tích cực, chủ động nhằm phấn đấu tăng thu hơn mức dự toán được giao, sử dụng ngân sách hợp lý, nâng cao hiệu quả và đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đầy đủ các biện pháp tạo nguồn cải cách tiền lương; tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, công khai tài chính – ngân sách, đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

MAU T. T. A.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU

DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2018

(Kèm theo Phương án phân bổ ngân sách năm 2018 của UBND huyện Tân Châu)

S T T	NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU	Dự toán năm 2017	Trong đó		Dự toán năm 2018	Trong đó		Tỷ lệ % so sánh DT 2018/DT 2017		
			Huyện	Xã-thị trấn		Huyện	Xã-thị trấn	Tổng cộng	Huyện	Xã-thị trấn
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=6/3	10=7/4	11=8/5
I	Các khoản thu Tỉnh quản lý điều tiết cho huyện	39,362	39,362		26,310	26,310		66.84%	66.84%	
II	THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	189,525	176,613	12,912	216,300	202,610	13,690	114.13%	114.72%	106.03%
1	Thu từ khu vực CTN ngoài QĐ	130,525	125,025	5,500	146,500	140,500	6,000	112.24%	112.38%	109.09%
	Thuế Giá trị gia tăng	118,120	112,925	5,195	138,820	133,000	5,820	117.52%	117.78%	112.03%
	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7,000	7,000		2,500	2,500		35.71%	35.71%	
	Thuế TTDB từ hàng hóa dịch vụ trong nước	305	-	305	180		180	59.02%		59.02%
	Thuế tài nguyên	3,600	3,600	-	5,000	5,000		138.89%	138.89%	
	Thu khác CTN, NQD (không gồm thu tích thu)	1,500	1,500		-			0.00%	0.00%	
2	Lệ phí trước bạ	14,000	14,000		13,500	13,500		96.43%	96.43%	
3	Thuế SD đất nông nghiệp	1,485	309	1,176	-					
4	Thuế SD đất phi nông nghiệp	650	557	93	200		200	30.77%	0.00%	215.05%
5	Thu phí - Lệ phí	3,165	1,665	1,500	4,500	2,910	1,590	142.18%	174.77%	106.00%
6	Thuế thu nhập cá nhân	18,500	16,317	2,183	24,000	20,600	3,400	129.73%	126.25%	158.15%
7	Thu tiền sử dụng đất	7,000	7,000		12,100	12,100		172.86%	172.86%	
8	Thu khác ngân sách	10,500	10,500	-	12,000	12,000	-	114.29%	114.29%	
	- Thu phạt ATGT	6,000	6,000		7,500	7,500		125.00%	125.00%	
	- Thu khác còn lại	4,500	4,500		4,500	4,500		100.00%	100.00%	
9	Các khoản thu tại xã	2,700	240	2,460	2,500		2,500	92.59%		101.63%
10	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	1,000	1,000		1,000	1,000		100.00%	100.00%	
III	Thu BS từ NS cấp trên	108,568	74,770	33,798	116,840	81,705	35,135	107.62%	109.28%	103.96%
1	Bổ sung cân đối	108,086	74,770	33,316	108,086	74,770	33,316	100.00%	100.00%	100.00%
2	Bổ sung có mục tiêu	482		482	8,754	6,935	1,819	1816.18%		377.39%
	TỔNG THU	337,455	290,745	46,710	359,450	310,625	48,825	106.52%	106.84%	104.53%

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU**

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2018

(Kèm theo Phương án phân bổ ngân sách năm 2018 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Dự toán năm 2017	Trong đó		Dự toán năm 2018	Trong đó		Tỷ lệ % so sánh DT 2018/DT2017		
			Huyện	Xã		Huyện	Xã	Tổng cộng	Huyện	Xã
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=6/3	10=7/4	11=8/5
TỔNG CHI NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (Phần A+B+C)		337,755	266,782	70,973	359,450	281,783	77,667	106.42%	105.62%	109.43%
A	CHI CÂN ĐỐI QUA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	331,755	260,782	70,973	343,196	267,348	75,848	103.45%	102.52%	106.87%
I	Chi đầu tư phát triển	30,540	29,540	1,000	39,140	38,140	1,000	128.16%	129.11%	100.00%
	-Trong đó: Chi XD CB tập trung	23,540	22,540	1,000	28,250	27,250	1,000	120.01%	120.90%	100.00%
II	Chi thường xuyên	285,740	218,118	67,622	285,966	213,764	72,202	100.08%	98.00%	106.77%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	11,316	9,150	2,166	13,100	12,150	950	115.77%	132.79%	43.86%
	-Trong đó: Nông - Lâm - Thủy lợi	150	150		150	150		100.00%	100.00%	
	SN giao thông	1,000	1,000		3,000	3,000		300.00%	300.00%	
	Kiến thiết Thị chính	2,000	2,000		3,000	3,000		150.00%	150.00%	
	Quy hoạch	500	500		500	500		100.00%	100.00%	
	Chi ATGT	500	500		500	500		100.00%	100.00%	
	Giao thông đô thị	5,000	5,000		5,000	5,000		100.00%	100.00%	
	Sự nghiệp khác	2,166		2,166	950		950	43.86%		43.86%
2	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo	158,543	158,543		154,432	154,432		97.41%	97.41%	
	Chi sự nghiệp giáo dục				153,210	153,210				
	Chi sự nghiệp Đào tạo				1,055	1,055				
	Chi lương HD 27				167	167				
3	Chi sự nghiệp Văn hóa -thông tin	1,732	1,037	695	1,341	1,050	291	77.42%	101.25%	41.87%
4	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình.	1,107	627	480	1,131	651	480	102.17%	103.83%	100.00%
5	Chi sự nghiệp TDTT	822	660	162	782	620	162	95.13%	93.94%	100.00%
6	Chi đảm bảo xã hội	6,504	5,105	1,399	10,081	9,287	794	155.00%	181.92%	56.79%
7	Sự nghiệp y tế (mua BHYT cho đối tượng BHYT)	1,232	1,232		1,385	1,385		112.42%	112.42%	
8	Chi quản lý hành chính	64,001	24,738	39,263	69,768	24,404	45,364	109.01%	98.65%	115.54%
	- Chi Quản lý Nhà nước	37,319	11,119	26,200	40,455	10,481	29,974	108.40%	94.26%	114.40%

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Dự toán năm 2017	Trong đó		Dự toán năm 2018	Trong đó		Tỷ lệ % so sánh DT 2018/DT2017		
			Huyện	Xã		Huyện	Xã	Huyện	Tổng cộng	Xã
	- Khối Đảng, đoàn thể	20,696	9,913	10,783	23,045	10,060	12,985	111.35%	101.48%	120.42%
	- Tổ chức chính trị, Hội đặc thù	2,846	1,286	1,560	3,068	1,383	1,685	107.80%	107.54%	108.01%
	- KP đặc thù, mua sắm TSCD	2,320	1,600	720	2,420	1,700	720	104.31%	106.25%	100.00%
	- Đặc thù biên giới, đặc thù UBND huyện	820	820		780	780		95.12%	95.12%	
9	Chi Quốc phòng - An ninh	25,192	2,375	22,817	26,011	3,100	22,911	103.25%	130.53%	100.41%
	- Quốc phòng	13,800	1,650	12,150	16,444	2,500	13,944	119.16%	151.52%	114.77%
	- An ninh	10,712	525	10,187	9,567	600	8,967	89.31%	114.29%	88.02%
	- Đặc thù	680	200	480	-			0.00%	0.00%	0.00%
10	Chi khác ngân sách	9,137	8,737	400	2,705	1,695	1,010	29.60%	19.40%	252.50%
	-Trong đó: Chi hỗ trợ vốn vay cho NHCSXH huyện				1,000	1,000				
11	Chi khen thưởng	1,100	860	240	1,100	860	240	100.00%	100.00%	100.00%
12	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	130	130		130	130		100.00%	100.00%	
13	Chi sự nghiệp môi trường	2,570	2,570		4,000	4,000		155.64%	155.64%	
III	Chi CCTL	2,354	2,354		1,000		1,000			
IV	DT chi chưa phân bổ (từ nguồn tăng thu so chỉ tiêu pháp lệnh, dự kiến chi các nhiệm vụ sau khi xác định có tăng thu NS)	9,025	8,033	992	10,300	10,300				
1	Cải cách tiền lương	4,478	4,017	461	5,150	5,150				
2	Xây dựng cơ bản	2,687	2,410	277	3,090	3,090				
3	Chi tương xuyên (đặc thù, mua sắm, khác...)	1,861	1,607	254	2,060	2,060				
IV	Dự phòng (2%)	6,450	5,091	1,359	6,790	5,144	1,646	105.27%	101.04%	121.12%
B	Chi từ nguồn BSMT	-			8,754	6,935	1,819			
1	Tiền điện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách	-			1,366	467	899			
2	Hoạt động Ban TTND	-			36		36			
3	Khu dân cư, ấp VH	-			482	78	404			
4	Đặc thù biên giới	-			720	240	480			
5	Tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi (Phòng GDĐT)	-			1,810	1,810				
6	Bảo trợ XH (Phòng LĐTBXH)	-			1,630	1,630				
7	Hoạt động Trung tâm GDTX	-			1,710	1,710				
8	Hỗ trợ phát triển đô thị (gthong đô thị)	-			1,000	1,000				
C	Chi nộp NS cấp trên (100% thu phạt ATGT)	6,000	6,000		7,500	7,500		125.00%	125.00%	